

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST.
Ngày: 23- 6- 2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Trường;

Ông Trần Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Chuyên - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Xuyến- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2025/TLST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **50/2025/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2025**, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C; địa chỉ: Số A T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Trần Minh B- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Thanh T – Phó giám đốc V – Chi nhánh B1; “vắng mặt”.

* Bị đơn: Công ty Cổ phần X; địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Nam Định;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân T1 – Giám đốc ; “vắng mặt”.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Bùi Thị Bích H, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Ông Nguyễn Tất T2, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Ông Nguyễn Quang H1, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Mai Thanh T trình bày: Công ty cổ phần X đã ký kết với Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh B1 Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng số 1116/HĐTD/NHCT382-GDHH/CPXD T-01 ngày 25/11/2016; hạn mức cho vay: 1.100.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một tỷ một trăm triệu đồng*); mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng; thời hạn vay vốn: Tối đa 09 tháng/giấy nhận nợ. Các giấy nhận Giấy nhận nợ số 01 Ngày 25/11/2016 số tiền nhận nợ: 1.100.000.000 VNĐ. *Bằng chữ: Một tỷ một trăm triệu đồng*). Ngày trả nợ ngày 25/08/2017. Lãi suất tại thời điểm cho vay 7.5%/năm và giấy nhận nợ số 02 Ngày 01/09/2017 số tiền nhận nợ: 1.100.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một tỷ một trăm triệu đồng*). Ngày trả nợ: 01/06/2018. Lãi suất tại thời điểm cho vay: 9.0%/năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 366, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ tổ dân phố D (nay là tổ dân phố S), thị trấn G, huyện G, tỉnh Nam Định. Chi tiết theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 1116-HĐTC/NHCT382-GDHH/CP T-01 ký ngày 24/11/2016 giữa Ông Nguyễn Xuân T1 cùng với vợ là bà Bùi Thị Bích H và NHCTVN – Chi nhánh Thành phố B1 (nay là Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh B1).

Lịch sử trả gốc lãi của Công ty cổ phần X: Về nợ gốc: Ngày 10/6/2018 Công ty X đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 110.000.000 đồng tiền gốc; đến ngày 17/06/2020 công ty X đã thanh toán cho ngân hàng T3 số tiền nợ gốc còn lại là 900.000.000 đồng. Về lãi vay chậm trả: Từ ngày 01/9/2017 đến khi công ty X trả hết nợ gốc thì công ty X mới chỉ trả cho ngân hàng số tiền lãi là 70.781.031 đồng, hiện tại còn công ty X còn nợ ngân hàng số tiền nợ lãi chậm trả là 197.389.928 đồng. Về Lãi phạt chậm trả: Kỳ hạn thanh toán gốc và lãi ngày 01/06/2018 đến ngày 17/06/2020, Công ty cổ phần X đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc nên

phải chịu khoản nợ lãi phạt chậm trả là 9.852.726 đồng, Thịnh hải đã trả 125.134 đồng; còn lại 97.274.592 đồng. Đến nay, toàn bộ dư nợ công ty X còn nợ Ngân hàng TMCP C đã chuyển sang nợ quá hạn theo giấy nhận nợ Ngày 01/09/2017 (số tiền nhận nợ: 1.100.000.000 VNĐ) còn lại là: 294.664.520 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi tư ngàn năm trăm hai mươi đồng) (trong đó nợ gốc là 0 Đ; lãi vay quá hạn là 197.389.928 đồng, lãi phạt quá hạn là 97.274.596 đồng)

Vì Những lý do trên NHCTVN kính đề nghị Q tòa xem xét và giải quyết cho yêu cầu của chúng tôi như sau:

Buộc Công ty cổ phần X phải trả cho Ngân hàng TMCP C toàn bộ số tiền lãi quá hạn, phạt chậm trả theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1116/HĐTD/NHCT382-GDHH/CPXD T-01 ngày 25/11/2016 đã ký với Ngân hàng. Số tiền phải trả tính đến hết ngày 23/6/2025 là: 294.664.520 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi tư ngàn năm trăm hai mươi đồng) (trong đó nợ gốc là 0 đồng; lãi vay quá hạn là 197.389.928 đồng, lãi phạt quá hạn là 97.274.596 đồng).

Buộc Công ty cổ phần X phải tiếp tục trả toàn bộ số tiền lãi nợ quá hạn, phạt chậm trả phát sinh cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ cho đến khi thi hành án xong theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm như nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp tài sản bảo đảm đang được bên bảo đảm cho thuê, cho mượn thì yêu cầu Q tòa tuyên bố chấm dứt các giao dịch cho thuê, cho mượn đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm, buộc bên thuê, bên mượn phải giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Trường hợp Tài sản bảo đảm sau khi xử lý xong nếu không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho NHCTVN cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ nợ. NHCTVN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản khác đứng tên Công ty cổ phần X để thu hồi nợ vay theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Xuân T1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Bùi Thị Bích H, ông Nguyễn Tất T2, ông Nguyễn Quang H1: Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn không trình bày quan điểm, không đến Tòa án giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Thương mại Cổ phần C, buộc Công ty Cổ phần X có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Thương mại Cổ phần C theo Hợp đồng tín dụng số 1116/HĐTD/NHCT382-GDHH/CPXD Thịnh Hải-01 ngày 25/11/2016 đã ký với Ngân hàng. Số tiền phải trả tính đến hết ngày 23/06/2025 là: 294.664.520 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi tư ngàn năm trăm hai mươi đồng) (trong đó nợ gốc là 0 đồng; lãi vay quá hạn là 197.389.928 đồng, lãi phạt quá hạn là 97.274.596 đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có quyền xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty Cổ phần X không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc Công ty Cổ phần X phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C yêu cầu Công ty Cổ phần X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên quan hệ pháp luật là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

[3] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 1116/HĐTD/NHCT382-GDHH/CPXD Thịnh Hải-01 ngày 25/11/2016 và giấy nhận nợ số 01 Ngày 25/11/2016 và giấy nhận nợ số 02 Ngày 01/09/2017, Xét thấy việc ký kết các hợp đồng tín dụng trên đã tuân thủ đúng quy định về nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật.

[4] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 1116/HĐTD/NHCT382-GDHH/CPXD Thịnh Hải-01 ngày 25/11/2016; giấy nhận nợ số 01 Ngày 25/11/2016 và giấy nhận nợ số 02 Ngày 01/09/2017 Công ty Cổ phần X xác định Công ty Cổ phần X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn là hợp pháp. Nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C yêu cầu Công ty Cổ phần X trả số tiền là 294.664.520 đồng (Trong đó nợ lãi là 197.389.928; Lãi phạt quá hạn: 97.274.592 đồng) là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về xử lý tài sản thế chấp: Đủ cơ sở xác định các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp số 1116-HĐTC/NHCT382-GDHH/CP T-01 ký ngày 24/11/2016 xác định tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 366, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ tổ dân phố D, thị trấn N (nay là Tổ dân phố S, thị trấn G), huyện G, tỉnh Nam Định thuộc quyền sở hữu/sử dụng của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T1 và bà Bùi Thị Bích H. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật nên có giá trị thực hiện. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thanh toán số nợ đã nêu là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C được chấp nhận nên Công ty Cổ phần X phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 463, 466, 299, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11- 01- 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần C;

Buộc công ty Cổ phần X có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần C theo các hợp đồng tín dụng tổng số tiền là 294.664.520 đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi tư ngàn năm trăm hai mươi đồng); Trong đó nợ lãi là 197.389.928; Lãi phạt quá hạn: 97.274.592 đồng.

Trong trường hợp công ty Cổ phần X không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm quyền sử dụng đất thửa đất số 366, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ tổ dân phố D, thị trấn N (nay là Tổ dân phố S, thị trấn G), huyện G, tỉnh Nam Định thuộc quyền sử

dụng của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T1 và bà Bùi Thị Bích H.

Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của công ty Cổ phần X, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp của công ty Cổ phần X để thu hồi nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, công ty Cổ phần X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc công ty Cổ phần X phải nộp án phí là 14.733.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng); trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.367.000 đồng (bảy triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai số 0002334 ngày 08- 4- 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, công ty Cổ phần X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ

